

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04090**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Kế toán doanh nghiệp 1**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009			5	5.5	6.0	7.0	5.0	5.5	7.5		6.8
2	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009			5	5	4.5	0.0	0.0	2.5	CT		1.0
3	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
4	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
5	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009			8	9	6.5	7.0	6.5	7.0	6.5		6.7
6	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009			5	5	5.0	5.5	4.5	5.0	6.5		5.9
7	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009			8	8	7.5	7.0	4.5	7.0	5.0		5.7
8	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009			5	5	5.5	5.0	4.5	5.0	0.0		2.0
9	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009			5	5	4.5	5.5	5.0	5.0	0.0		2.0
10	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009			5	5	5.0	7.0	3.0	5.0	0.0		2.0
11	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009			8	9	7.0	8.5	8.0	8.0	7.5		7.7
12	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009			8	8	6.0	5.0	1.0	5.0	5.0		5.0
13	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009			6	7	5.0	6.0	6.5	6.0	0.0		2.4
14	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009			8	8	5.0	7.0	6.5	6.5	6.0		6.2
15	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009			8	9	7.0	8.0	7.0	7.5	6.0		6.6
16	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009			8	8	7.5	8.0	7.0	7.5	7.5		7.5
17	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009			6	5	5.5	5.0	5.0	5.5	2.0		3.3
18	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009			7	7	5.0	7.0	5.0	6.0	2.0		3.6
19	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009			7	8	6.0	7.0	6.5	7.0	6.5		6.6
20	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
21	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009			9	10	10.0	10.0	9.5	10.0	7.5		8.4
22	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009			5	5	2.0	0.0	0.0	2.0	CT		0.7
23	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009			7	8	8.0	7.0	5.0	7.0	7.0		7.0
24	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
25	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009			5	5	3.0	5.0	6.0	6.0	6.5		5.9
26	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009			5	5	1.5	6.0	6.5	6.0	7.0		6.2
27	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009			5	5	6.5	5.0	4.5	5.5	5.0		5.1
28	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009			5	5	6.5	5.0	4.5	4.0	6.0		5.6
29	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009			8	9	6.0	8.0	9.0	8.5	7.0		7.4
30	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009			8	9	4.0	7.5	7.0	8.0	5.0		5.8
31	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vý	04/04/2009			9	10	9.5	10.0	8.0	10.0	7.5		8.3
32	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009			9	8	8.5	8.0	5.5	7.5	2.5		4.5
33	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
34	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009			5	5	5.0	4.0	6.0	5.0	0.0		2.0
35	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009			7	8	9.0	8.0	5.5	7.5	6.5		6.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lê Thị Mỹ Dung